

Số: 481/2018/DS-PT

Ngày: 19/10/2018

Vv: Tranh chấp quyền sử dụng đất
cho ở nhờ, lấn chiếm.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Thanh;

Các Thẩm phán: Ông Ngô Anh Dũng ;

Bà Nguyễn Phương Hạnh.

Thư ký phiên tòa: Bà Hà Lê Giang, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Vũ Thị Thúy, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 60/2018/TLPT-DS ngày 31 tháng 5 năm 2018 về việc: “Tranh chấp quyền sử dụng đất cho ở nhờ, lấn chiếm” do có kháng cáo của nguyên đơn đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2018/DS-ST ngày 26 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6391/2018/QĐ-PT ngày 01 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Văn V, sinh năm 1962 Địa chỉ: Thôn LS, xã VQ, huyện VL, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Phạm Đình Th, sinh năm 1975 Địa chỉ: Thôn Eo Lê, xã VQ, huyện VL, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Ủy ban nhân dân huyện VL, tỉnh Thanh Hóa

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn Th - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện VL, tỉnh Thanh Hóa (Văn bản ủy quyền số 08/GUQ-TNMT ngày 10/3/2017). Có mặt.

3.2 Ủy ban nhân dân xã VQ, huyện VL, tỉnh Thanh Hóa

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị H - Phó Chủ tịch UBND xã VQ và ông Phạm Xuân Đ - Cán bộ địa chính xã VQ (Văn bản ủy quyền ngày 26/3/2018 và văn bản ủy quyền số 01/TB-UBND ngày 22/6/2017). Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện, các lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn ông Phạm Văn V trình bày:

Năm 1978 Ủy ban nhân dân xã VQ, huyện VL vận động hiến đất để làm đường liên thôn, nên gia đình ông đã hiến đất để làm đường, khu đất của gia đình ông tách làm hai thửa. Trong đó có một thửa giáp gia đình ông Phạm Đình V1, là bố đẻ anh Phạm Đình Th. Do gia đình ông V1 có ngõ đi vào lấy lợi, nên ông và bố ông có cho ông V1 mượn 18m² đất (chiều rộng 02m chiều dài 09m) để làm lối đi vào nhà cho thuận tiện. Ngoài ra, trong thời gian từ năm 1978 đến năm 1998, gia đình ông V1 còn lấn chiếm sang thửa đất gia đình ông 18m² đất ở phía Tây Bắc của thửa đất gia đình ông. Chiều dài của phần lấn chiếm là 15m, chiều rộng đoạn giáp ngõ đi là 0,5m, đoạn rộng nhất là 1,5m, diện tích đất lấn chiếm là 18m². Tổng diện tích đất mượn làm ngõ đi và đất lấn chiếm là 36m². Diện tích đất này nằm trong thửa đất 105, tờ bản đồ số 10 bản đồ địa chính xã VQ. Năm 2002, Ủy ban nhân dân huyện VL cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông số V 995245, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 259/QSĐĐ ngày 21/8/2002, diện tích 153m². Do thực tế hiện nay diện tích đất của gia đình ông chỉ có 117m², thiếu 36m² so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông Phạm Đình V1 hiện nay đã chết, anh Phạm Đình Th là người thừa kế và sử dụng đất của ông V1. Vì vậy, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc anh Th phải trả lại cho ông 36m² đất.

Bị đơn anh Phạm Đình Th trình bày: Gia đình anh có thửa đất tại Thôn LS, xã VQ, huyện VL, giáp với thửa đất gia đình ông Phạm Văn V, nguồn gốc diện tích đất này là của ông bà nội để lại cho bố mẹ anh, bản thân anh sinh ra và lớn lên tại thửa đất này. Do bố anh đã mất năm 2009, mẹ anh mất năm 2014 nên hiện nay anh là người trông coi khu đất này. Việc bố anh có mượn đất của Ông V hay không anh không biết, anh chỉ biết là hơn 41 năm qua diện tích đất nhà anh vẫn nguyên vẹn, không có sự thay đổi, đường đi cũng có từ lâu, nên Ông V nói cho bố anh là ông V1 mượn đất là không có căn cứ. Ông V nói gia đình anh lấn chiếm phía sau 01 m đất theo chiều dài là không có cơ sở, vì Ông V là người tự xây tường rào 04 phía xung quanh mảnh đất nhà ông. Anh Th đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Ủy ban nhân dân huyện VL trình bày: Diện tích đất của gia đình Ông V theo hồ sơ 299/TTg xã VQ lập năm 1985 là thửa đất số 215, tờ bản đồ số 04 diện tích 112m². Theo hồ sơ địa chính xã VQ lập năm 2001 là thửa đất số 105, tờ bản đồ số 10, diện tích 153m². Hộ gia đình ông Phạm Văn V không nhận chuyển nhượng từ các hộ liền kề, vì vậy phần diện tích tăng lên là sai số do khi đo đạc và có sự nhầm lẫn trong quá trình xác định mốc giới dẫn đến diện tích tăng lên. Cụ thể: theo bản đồ 299/TTg đo đạc năm 1985, lối ngõ vào nhà ông Thạch giáp ranh thửa đất nhà Ông V về phía Đông có chiều rộng khoảng 06m, còn theo bản đồ địa chính đo đạc năm 2002 lối ngõ chỉ còn rộng 1, 5m và chiều rộng của đường giao thông nơi rộng nhất chỉ khoảng 3,8 m. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng diện tích, đúng mốc giới, đề nghị Tòa án huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 995245 ngày 21/8/2002 mà Ủy ban nhân dân huyện VL cấp cho ông Phạm Văn V.

Đại diện Ủy ban nhân dân xã VQ trình bày: Thửa đất của gia đình ông Phạm Văn V theo hồ sơ địa chính năm 1985 nhà nước lập theo chỉ thị 299/Ttg

của Chính phủ, là thửa 215, tờ bản đồ số 04 diện tích 112m². Mục đích sử dụng đất: đất vườn, thời hạn sử dụng đất: lâu dài; Bản đồ địa chính xã VQ tỷ lệ 1/2000 do đặc thành lập năm 1985, trong bản đồ Nhà nước đã quy hoạch, đo vẽ thể hiện đường giao thông thôn và ngõ xóm. Năm 1994, Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu sau đo đạc địa chính năm 1985 đứng tên ông Phạm Văn V (theo Luật đất đai 1993), bao gồm các loại đất: đất thổ cư + đất vườn, đất hai lúa, đất màu. Thời hạn sử dụng đất: đất thổ cư và đất vườn: lâu dài; đất hai lúa, đất màu đến tháng 10/2013. Năm 2001, Nhà nước đo đạc lập bản đồ mới, thửa đất số 215, tờ bản đồ số 04 đo đạc năm 1985 theo chỉ thị 299/TTg và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1994 đã được thay thế đánh số thửa 105, tờ bản đồ số 10, diện tích 153m², mục đích sử dụng đất vườn, thời hạn sử dụng đất: Lâu dài, địa chỉ thửa đất: Thôn LS, xã VQ, đứng tên quyền sử dụng đất là ông Phạm Văn V, số giấy chứng nhận quyền sử dụng đất V995245, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 259QSDĐ/554/QĐ-CT ngày 21/8/2002 trong bản đồ nhà nước cũng đã quy hoạch, đo vẽ thể hiện đường giao thông thôn và ngõ xóm.

Về hiện trạng sử dụng đất: Gia đình Ông V có xây dựng tường rào phía giáp hộ liền kề gia đình anh Th (con đẻ ông Phạm Đình V1) và nhà cấp 4, công trình phụ, cây lâu năm, không có tranh chấp. Đất đai và đường giao thông: Từ năm 1980 đến tháng 3 năm 2016 sử dụng ổn định không có tranh chấp khiếu nại. Đến tháng 4/2016, Ông V viết đơn đề nghị Ủy ban nhân dân xã VQ giải quyết về việc ông đòi lấy lại đất giao thông lối đi vào nhà ông Phạm Đình Th, với lý do năm 1978 gia đình Ông V cho ông Phạm Đình V1 là bố đẻ anh Phạm Đình Th mượn một lạch lối đi tạm thỏa thuận bằng lời nói, không có văn bản giấy tờ. Nay ông V1 đã qua đời, anh Th không ở nữa bán nhà, Ông V gặp anh Th thương lượng để lấy lại lối đi nói trên, nhưng anh Th không đồng ý. Ủy ban nhân dân xã và các đoàn thể, Mặt trận tổ quốc xã đã tổ chức họp, phân tích để hai gia đình đồng thuận về lối đi (đường giao thông ngõ hẻm) có từ năm 1980 đến nay, nhưng Ông V không nhất trí. Ủy ban xã VQ đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 06/12/2016 của Tòa án nhân dân huyện VL, thể hiện:

- Thửa đất số 105, tờ bản đồ số 10 thuộc quyền sử dụng của ông Phạm Văn V. Phía Đông Nam giáp đường liên thôn dài 15,2m; phía Tây Bắc giáp gia đình anh Phạm Đình Th dài 15,52m; phía Tây Nam giáp gia đình bà Phú dài 7,16m; phía Đông Bắc giáp ngõ đi đang tranh chấp dài 08m.

- Ngõ đi đang tranh chấp: Cạnh hướng đông nam rộng 2,57m; cạnh hướng tây bắc rộng 2,4m; chiều dài ngõ đi là 08m.

- Thửa đất số 85, tờ bản đồ số 10 thuộc quyền sử dụng của gia đình anh Phạm Đình Th. Phía Đông Nam giáp thửa, đất gia đình ông Phạm Văn V dài 17,6m; phía Tây Bắc giáp gia đình bà Phạm Thị Ph dài 23,55m; phía Tây Nam giáp với gia đình bà Phạm Thị Ph và Lê Thị Tĩnh dài 35,85m; phía Đông Bắc giáp gia đình ông Phạm Văn Th1 và ông Phạm Văn Th2 dài 29,7m.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2018/DSST ngày 26/3/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã căn cứ Điều 36, Điều 34, Điều 37; Điều 271, Điều 273, khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Điều 166 Bộ luật Dân sự. Điều 49; Điều 50 Luật Đất đai 2003. điểm 1.1 khoản 1 phần II danh mục án phí ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội và quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn V về việc yêu cầu anh Phạm Đình Th trả lại 36m² đất tại Thôn LS, xã VQ, huyện VL (trong đó 18m² đất mượn làm đường đi và 18m² đất gia đình anh Th lấn chiếm).

Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V995245, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 259QSDĐ/554/QĐ-CT do Ủy ban nhân dân huyện VL cấp ngày 21/8/2002 cho ông Phạm Văn V.

Bản án sơ thẩm còn quyết định án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 02/4/2018, nguyên đơn - ông Phạm Văn V có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Nguyên đơn tiếp tục yêu cầu bị đơn phải trả lại 36m² đất trong đó có 18m² cho mượn và 18m² lấn chiếm. Bị đơn không nhất trí, giữ nguyên quan điểm đã trình bày tại Tòa án cấp sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có quan điểm:

+ Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

+ Kháng cáo của nguyên đơn không có căn cứ chấp nhận bởi lẽ:

Theo Bản đồ 299 đo vẽ năm 1985, diện tích đất của ông Vân chỉ có 112m²; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V995245, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 259QSDĐ/554/QĐ-CT do Ủy ban nhân dân huyện VL cấp ngày 21/8/2002 cho ông Phạm Văn V lại xác định diện tích 153m², trong khi Ông V thừa nhận không mua thêm của hộ gia đình nào khác. Ông V khai cho ông V1 mượn đất xong không có căn cứ chứng minh; ông cho rằng gia đình ông V1 lấn chiếm xong chính ông là người xây hàng rào theo mốc giới giữa hai nhà, suốt thời gian hàng chục năm không có ý kiến với chính quyền địa phương.

Đại diện UBND xã VQ và huyện VL đã xác định: Đối với diện tích đất của gia đình Ông V tăng lên theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do sai sót từ khi đo đạc nên đề nghị hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là phù hợp với thực tế.

Với những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Ông V và căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả của việc tranh tụng công khai tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa, xét kháng cáo của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về yêu cầu của ông Phạm Văn V buộc anh Phạm Văn Th trả lại 18m² đất cho mượn làm ngõ và 18m² đất lấn chiếm:

1.1 Về yêu cầu của Ông V buộc anh Th trả lại 18m² đất mà theo ông là đã cho gia đình anh Th mượn làm ngõ đi vào nhà: Các đương sự đều thừa nhận: Từ năm 1978 đến nay hiện trạng sử dụng đất ở giữa gia đình Ông V và ông V1 (bố đẻ anh Th) không có gì thay đổi. Ông V cho rằng năm 1978, gia đình ông có cho ông V1 mượn 18m² (chiều rộng 02m chiều dài 09m dọc theo thửa đất nhà Ông V) để làm lối đi vào nhà ông Phạm Đình V1 nhưng không xuất trình được giấy tờ, tài liệu chứng minh. Chính Ông V đã thừa nhận trước đây giáp lối đi vào nhà ông V1 và mảnh đất nhà ông có bờ rào bằng cây trồng để ngăn cách, đến năm 2000 ông đã xây bờ tường bằng đá trên cơ sở bờ rào cũ, để ngăn cách giữa đường đi vào nhà anh Th và thửa đất nhà ông (như hiện trạng sử dụng đất hiện nay). Theo bản đồ địa chính xã VQ lập năm 1985 (theo chỉ thị 299/TTg), thửa đất của gia đình ông Phạm Văn V là thửa 215 diện tích 112m², tại bản đồ địa chính xã VQ đo vẽ năm 2002, thửa đất của gia đình ông Phạm Văn V là thửa 105 diện tích 153m². Tại các bản đồ này đều thể hiện có lối đi vào thửa đất gia đình anh Phạm Đình Th. Vì vậy, Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của Ông V về việc đòi lại 18m² đất mà ông cho rằng đã cho gia đình anh Th mượn làm ngõ đi là có căn cứ.

[2] Về yêu cầu của Ông V buộc anh Th trả lại 18m² đất mà theo ông bị gia đình anh Th lấn chiếm: Như đã phân tích ở trên, chính Ông V thừa nhận là người xây dựng tường rào bao xung quanh diện tích đất nhà mình, ông cho rằng trong quá trình sử dụng đất, gia đình anh Th có lấn chiếm của gia đình ông 18m² (kích thước dài 17m, chiều rộng giáp lối đi là 50cm và phía giáp đất nhà bà Phú là 02m), nhưng ông không có chứng cứ chứng minh có việc lấn chiếm. Ông V cho rằng đất nhà ông được Nhà nước cấp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 153m², từ năm 1985 theo bản đồ 299 cũng là 153m², nhưng hiện nay đất của gia đình ông chỉ có 117m². Theo các tài liệu chứng cứ do Ủy ban nhân dân huyện VL cung cấp thì năm 1985 diện tích đất gia đình Ông V chỉ có 112m², còn diện tích đất nhà anh Th là 560m², nay theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chỉ còn 534m². Do vậy không có căn cứ xác định gia đình anh Thanh lấn chiếm đất của gia đình Ông V. Ủy ban nhân dân huyện VL và xã VQ cũng xác định diện tích đất trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình Ông V tăng lên là do nhầm lẫn, sai sót trong khi đo đạc. Vì vậy, Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của Ông V về việc đòi lại 18m² đất mà ông cho rằng gia đình anh Th lấn chiếm là có căn cứ.

[3] Về việc Bản án sơ thẩm hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phạm Văn V: Thửa đất thửa số 105, tờ bản đồ số 10, diện tích 153m², mục đích sử dụng đất vườn, thời hạn sử dụng đất: Lâu dài; địa chỉ thửa đất: Thôn LS,

xã VQ, đứng tên quyền sử dụng đất là ông Phạm Văn V, số Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất V995245, sổ vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 259QSDD/554/QD-CT ngày 21/8/2002. Theo hồ sơ địa chính năm 1985 nhà nước lập theo chỉ thị 299/TTg của Chính phủ, là thửa 215, tờ bản đồ số 04 diện tích 112m². Mục đích sử dụng đất: Đất vườn, thời hạn sử dụng đất: Lâu dài. Như vậy, so với các tài liệu về đất đai năm 1985 thì diện tích đất nhà Ông V từ năm 1985 đến năm 2002 - thời điểm được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tăng 41m². Thửa đất của gia đình anh Th, theo các tài liệu theo hồ sơ địa chính năm 1985 là thửa 214, tờ bản đồ số 4 với diện tích 560m², đến năm 2002 theo bản đồ địa chính năm 2002, thì diện tích đất còn 524m² và đây cũng là diện tích đất ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Diện tích đất của gia đình anh Th giảm 36m². Việc giảm là do Ủy ban nhân dân xã VQ mở rộng đường đi chung.

Tại Công văn số 168 ngày 24/2/2017 của Ủy ban nhân dân huyện VL thể hiện: Trong quá trình sinh sống hộ Ông V không nhận chuyển nhượng đất với các hộ liền kề, phần đất tăng thêm là do sai số đo đạc và có sự nhầm lẫn trong quá trình xác định mốc giới dẫn đến số liệu đo đạc tăng lên, cụ thể: Theo bản đồ 299/TTg đo đạc năm 1985, lối ngõ vào nhà anh Th giáp ranh thửa đất nhà Ông V về phía Đông có chiều rộng khoảng 06m, còn theo bản đồ địa chính đo đạc năm 2002 lối ngõ chỉ còn rộng 1,5m và chiều rộng của đường giao thông nơi rộng nhất chỉ khoảng 3,8m. Xét thấy các chứng cứ mà Ủy ban nhân dân huyện VL cung cấp là có căn cứ, phù hợp thực trạng sử dụng đất, các tài liệu liên quan đến việc quản lý đất đai của Ủy ban nhân dân các cấp. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho Ông V không đúng về diện tích, do đó Bản án sơ thẩm đã hủy bỏ để Ủy ban huyện VL cấp lại theo đúng diện tích đất Ông V đang sử dụng hiện nay là đúng quy định pháp luật.

[3] Với những phân tích, nhận định trên, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Văn V; quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa về việc giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ, chính xác nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Do kháng cáo không được chấp nhận nên Ông V phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Phạm Văn V. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 01/2018/DSST ngày 26/3/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa như sau:

Căn cứ Điều 36, Điều 34, Điều 37; Điều 271, Điều 273, khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Điều 166 Bộ luật Dân sự. Điều 49; Điều 50 Luật Đất đai 2003. Điểm 1.1 khoản 1 phần II danh mục án phí ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn V về việc yêu

cầu anh Phạm Đình Th trả lại 36m² đất tại Thôn LS, xã VQ, huyện VL (theo Ông V trong đó 18m² đất mượn làm đường đi và 18m² đất gia đình anh Th lấn chiếm).

2. Huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V995245, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 259QSĐĐ/554/QĐ-CT do Ủy ban nhân dân huyện VL cấp ngày 21/8/2002 cho ông Phạm Văn V.

Ông Phạm Văn V có quyền, nghĩa vụ liên hệ với Ủy ban nhân dân huyện VL để được cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật.

3. Án phí:

3.1 Án phí dân sự sơ thẩm: Ông V phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng tại biên lai thu tiền số AA/2013/2571 ngày 12/10/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện VL. Ông V còn phải nộp tiếp 100.000 (Một trăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông V phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ tại biên lai thu tiền số AA/2017/0003186 ngày 13/4/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa. Ông V đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật.

Nơi gửi:

- Các đương sự;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND, VKSND, Cục THADS tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu HS, VT, HCTP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)
Nguyễn Hải Thanh